

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: TOÁN- LỚP: 7 -THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 phút

T T (1)	Chương/ Chủ đề (2)	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4 -11)								Tổng % điểm (12)
			NB		TH		VD		VDC		
			TNK Q	TL	TNK Q	TL	TN KQ	TL	T N K Q	TL	
1	Chủ đề Số hữu tỉ (13 tiết)	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ.	4c 1,33đ					1c 1,0đ			5c 20% 2,0 đ
		Các phép tính với số hữu tỉ.				2c 1,0đ				1c 1,0đ	3c 30% 3,0đ
2	Chủ đề Các hình học cơ bản (15 tiết)	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc.	4c 1,33đ								4c 10% 1,0đ
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song.	1c 0,33đ			2c 1,0đ					3c 12,5% 1,25đ
...		Khái niệm định lý, chứng minh định lý.	1c 0.33đ					1c 1,0đ			2c 12,5% 1,25đ
		Tam giác, tam giác bằng nhau.	2c 0.67đ			2c 1,0đ					4c 15% 1,5đ

Tổng	12c 4,0đ			6c 3,0đ		2c 2,0đ		1c 1,0đ	21c 10đ
Tỉ lệ phần trăm	40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung	70%				30%				100%

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I- MÔN TOÁN – LỚP 7

TT	Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				NB	TH	VD	VDC
1	Số hữu tỉ	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	Nhận biết: - Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ. - Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. - Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ. Vận dụng: - So sánh được hai số hữu tỉ.	4 (TN 1-2-3-4)			
		Các phép tính với số hữu tỉ	Thông hiểu: - Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích thương hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của một lũy thừa). - Mô tả được thứ tự thực hiện phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. Vận dụng cao: - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về		2 (TL 1a, b)		1 (TL 6)

			số hữu tỉ				
2	Các hình học cơ bản	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc.	Nhận biết: - Nhận biết các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh) - Nhận biết được tia phân giác của một góc.	4 (TN 5-6-7-8)			
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	Nhận biết: - Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song. Thông hiểu: - Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. - Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.	2 (TN 9, 11)	2 (TL 3a,b)		
		Khái niệm định lí, chứng minh một định lí	Nhận biết: - Nhận biết được thế nào là một định lí. Vận dụng: - Chứng minh được một định lí.	1 (TN 10)		1 (TL 4)	
		Tam giác, tam giác bằng nhau.	Nhận biết: - Nhận biết được khái niệm hai tam giác bằng nhau.	1 (TN 12)	2 (TL 5a, b)		
Tổng				12c 4,0đ	6c 3,0đ	2c 2,0đ	1c 1,0đ
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

ĐỀ CHÍNH THỨC

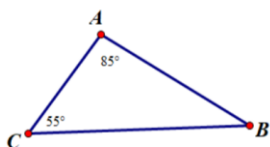
Họ và tên thí sinh: Lớp: SBD:

I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm)

Chọn đáp án đúng trong các câu trả lời đã cho ở bên dưới rồi ghi vào giấy bài làm. Ví dụ:

Câu 1 chọn đáp án A thì ghi là 1A...

Câu 1. Cho hình vẽ sau, số đo của góc B là:



- A. 180^0 B. 45^0 C. 30^0 D. 40^0

Câu 2. Qua điểm M nằm ngoài đường thẳng a đường thẳng song song với đường thẳng a (Chọn cụm từ để điền vào dấu)

- A. chỉ có một . B. có 2 đường thẳng.
C. có 3 đường thẳng. D. có vô số đường thẳng.

Câu 3. Tập hợp các số hữu tỉ kí hiệu là:

- A. N B. Q C. N^* D. Z .

Câu 4. Số hữu tỉ được viết dưới dạng

- A. $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{N}$; B. $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{Z}$;
C. $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{Z}, b \neq 0$; D. $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{N}, b = 0$.

Câu 5. Khẳng định nào **sai** trong các khẳng định sau:

- A. $\frac{-3}{4} > \frac{-5}{4}$ B. $-\frac{3}{5} < \frac{1}{2}$ C. $-(-3) < 0$; D. $\frac{2022}{2021} > 1$

Câu 6. Phân số biểu diễn số hữu tỉ $-4\frac{1}{2}$ là

- A. $\frac{9}{2}$ B. $-\frac{9}{2}$ C. $-(-\frac{9}{2})$ D. $-\frac{2}{9}$

Câu 7. Cho $\angle xOy$ và $\widehat{tOz}$ là 2 góc đối đỉnh. Biết $\angle xOy = 25^0$, số đo $\widehat{tOz}$ bằng ?

- A. 65^0 . B. 25^0 . C. 75^0 D. 155^0 .

Câu 8. Hai góc kề bù có tổng số đo là

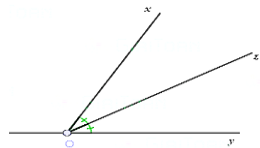
- A. 90^0 B. *nhỏ hơn* 180^0 C. 150^0 D. 180^0

Câu 9. Cho tam giác ABC và tam giác DEF có $AB = EF$; $BC = FD$;

$AC = ED; A = E; B = F; C = D$. Khi đó:

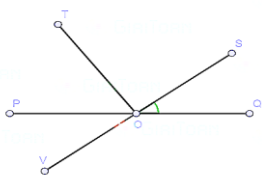
A. $\triangle ABC = \triangle DEF$. B. $\triangle ABC = \triangle DEF$ C. $\triangle ABC = \triangle FDE$. D. $\triangle ABC = \triangle EFD$.

Câu 10. Cho hình vẽ sau, chọn khẳng định **đúng**.



A. Oz là tia phân giác góc xOy B. Oz là tia phân giác góc xOz
C. Ox là tia phân giác góc zOy D. Oy là tia phân giác góc zOx

Câu 11. Trong hình vẽ dưới đây, góc nào là góc kề bù với góc QOS?



A. SOP B. TOP C. SOV D. POV

Câu 12. Trong các câu sau câu nào **không** cho một định lí?

- A. Đường thẳng nào vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì vuông góc với đường thẳng kia.
- B. Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì tạo ra các cặp góc so le trong bằng nhau, các cặp góc đồng vị bằng nhau.
- C. Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau
- D. Hai góc kề nhau thì có tổng số đo bằng 180^0

II. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm) Tính: a) $(-5)^2$; b) $\frac{7}{6} - \frac{1}{6} : \frac{2}{3}$

Câu 2. (2,0 điểm) a) Tìm x biết: $\frac{1}{2} - x = \frac{3}{2}$

b) Tính hợp lý : $(-1,37) \cdot 48 + 52 \cdot (-1,37)$

c) So sánh 2^{300} và 3^{200}

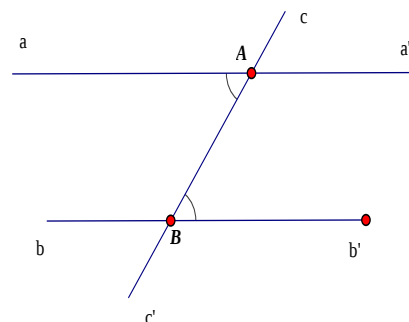
d) Cho biết 1 inch $\approx 2,54$ cm. Tìm độ dài đường chéo màn hình tivi 48 inch đơn vị cm và làm tròn đến hàng phần chục.

Câu 3. (3,0 điểm) Cho hình vẽ bên

a) Viết tên hai cặp góc đối đỉnh, hai cặp góc so le trong

b) Chứng minh $aa' \parallel bb'$.

c) Cho góc $a'AB = 110^0$. Tính số đo ABb' .



..... Hết

Lưu ý: - Thí sinh làm bài vào giấy thi. - Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐỀ CHÍNH THỨC

Họ và tên thí sinh: Lớp: SBD:

I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm)

Chọn đáp án đúng trong các câu trả lời đã cho ở bên dưới rồi ghi vào giấy bài làm. Ví dụ:

Câu 1 chọn đáp án A thì ghi là 1A...

Câu 1. Tập hợp các số hữu tỉ kí hiệu là:

- A. $\mathbb{N}$ B. $\mathbb{Q}$ C. $\mathbb{N}^*$ D. $\mathbb{Z}$.

Câu 2. Số hữu tỉ được viết dưới dạng

- A. $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{N}$; B. $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{Z}$; C. $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{Z}, b \neq 0$; D. $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{N}, b = 0$.

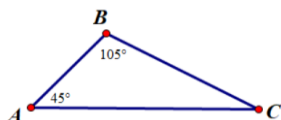
Câu 3. Khẳng định nào **sai** trong các khẳng định sau:

- A. $\frac{-3}{4} > \frac{-5}{4}$ B. $-\left(-\frac{2}{3}\right) < 0$ C. $-\frac{6}{24} < \frac{1}{2}$ D. $\frac{2022}{2021} > 1$

Câu 4. Phân số biểu diễn số hữu tỉ $-3\frac{1}{2}$ là

- A. $\frac{7}{2}$ B. $-\frac{7}{2}$ C. $-\left(-\frac{7}{2}\right)$ D. $-\frac{2}{9}$

Câu 5. Cho hình vẽ sau, số đo của góc B là:



- A. 65^0 B. 45^0 C. 30^0 D. 105^0

Câu 6. Qua điểm A nằm ngoài đường thẳng a đường thẳng song song với đường thẳng a (Chọn cụm từ để điền vào dấu)

- A. chỉ có một . B. có 2 đường thẳng.
C. có 3 đường thẳng. D. có vô số đường thẳng.

Câu 7. Cho $\angle xOy$ và $\angle tOz$ là 2 góc đối đỉnh. Biết $\angle xOy = 50^0$, số đo $\angle tOz$ bằng ?

- A. 130^0 . B. 50^0 . C. 25^0 D. 155^0 .

Câu 8. Hai góc kề bù có tổng số đo là

- A. 90^0 B. **nhỏ hơn 180^0** C. 150^0 D. **180^0**

Câu 9. Cho tam giác MNP và tam giác DEF có $MN = DF$; $NP = FE$; $MP = DE$;

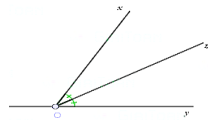
$\widehat{M} = \widehat{D}$; $\widehat{N} = \widehat{F}$; $\widehat{P} = \widehat{E}$ Khi đó:

- A. $\triangle MNP = \triangle DEF$ B. $\triangle MNP = \triangle DFE$

$$C. \Delta MNP = \Delta EDF$$

$$D. \Delta MNP = \Delta EFD$$

Câu 10. Cho hình vẽ sau, chọn khẳng định **đúng**.



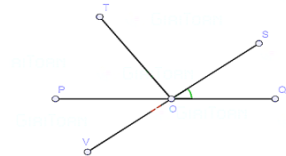
A. Oz là tia phân giác góc xOy

B. Oz là tia phân giác góc xOz

C. Ox là tia phân giác góc zOy

D. Oy là tia phân giác góc zOx

Câu 11. Trong hình vẽ dưới đây, góc nào là góc kề bù với góc QOS?



A. TOP

B. SOP

C. POV

D. SOV

Câu 12. Trong các câu sau câu nào **không** cho một định lí?

A. Tổng các góc trong một tam giác bằng 180°

B. Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng thì tạo ra các cặp góc so le trong bằng nhau, các cặp góc đồng vị bằng nhau.

C. Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.

D. Hai góc kề bù thì có tổng số đo bằng 180°

II. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm) Tính: a) $(-3)^2$ b) $\frac{5}{4} - \frac{1}{4} : \frac{3}{2}$

Câu 2. (2,0 điểm) a) Tìm x biết: $\frac{2}{3} - x = \frac{5}{3}$

b) Tính hợp lý : $(-1,37) \cdot 25 + 75 \cdot (-1,37)$

c) So sánh 2^{300} và 3^{200}

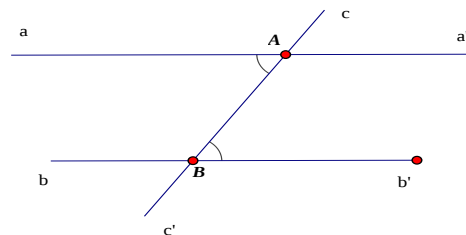
d) Cho biết 1 inch $\approx$ 2,54 cm. Tìm độ dài đường chéo màn hình tivi 43 inch đơn vị cm và làm tròn đến hàng phần chục.

Câu 3. (3,0 điểm) Cho hình vẽ bên

a) Viết tên hai cặp góc đối đỉnh, hai cặp góc đồng vị.

b) Chứng minh $aa' \parallel bb'$.

c) Cho góc $\widehat{a'AB} = 120^\circ$. Tính số đo $\widehat{ABb'}$.



..... Hết

Lưu ý: - Thí sinh làm bài vào giấy thi.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN – HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 MÔN TOÁN – LỚP 7
MÃ ĐỀ: 01

I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,33 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	D	A	B	C	C	B	B	D	D	A	A	D

II. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)

Câu	Lời giải	Điểm
1a (0,5đ)	a) $(-5)^2 = 25$	0,5
1b (0,5đ)	b) $\frac{7}{6} - \frac{1}{6} : \frac{2}{3} = \frac{7}{6} - \frac{1}{6} \cdot \frac{3}{2} = \frac{7}{6} - \frac{1}{4} = \frac{14}{12} - \frac{3}{12} = \frac{11}{12}$	0,5
2a (0,5đ)	a) $\frac{1}{2} - x = \frac{3}{2}$	0,25
	$x = \frac{1}{2} - \frac{3}{2}$	0,25
	$x = \frac{-2}{2} = -1$	
2b (0,5đ)	$(-1,37) \cdot 48 + 52 \cdot (-1,37) = (-1,37) \cdot (48 + 52)$	0,25
	$= (-1,37) \cdot 100 = -137$	0,25
2c (0,5đ)	$2^{300} = (2^3)^{100} = 8^{100}$	0,25
	$3^{200} = (3^2)^{100} = 9^{100}$	
	Vì $8^{100} < 9^{100}$ nên $2^{300} < 3^{200}$	0,25
2d (0,5đ)	Đường chéo là : $48 \times 2,54 = 121,92$ cm	0,25
	Vậy đường chéo làm tròn đến phần chục là: 121,9 cm	0,25
3a (1,0đ)	Viết đúng tên hai cặp góc đối đỉnh, hai cặp góc so le trong	1
3b (1,0đ)	Ta có $\widehat{aAB}$ và $\widehat{ABb'}$ là hai góc so le trong	0,25
	Mà $aAB = ABb'$	0,25
	Nên $aa' \parallel bb'$ theo dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song	0,5
3c (1,0đ)	Ta có $a'AB + aAB = 180^\circ$ (hai góc kề bù)	0,25
		0,25
		0,25

	$110^0 + aAB = 180^0$ $aAB = 180^0 - 110^0 = 70^0$ Suy ra $aAB = ABb' = 70^0$	0,25
--	---	------

---Hết---

ĐÁP ÁN – HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 MÔN TOÁN – LỚP 7
MÃ ĐỀ: 02

I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,33 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	B	C	B	B	C	A	B	D	B	A	B	B

II. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)

Câu	Lời giải	Điểm
1a (0,5đ)	$(-3)^2 = 9$	0,5
1b (0,5đ)	b) $\frac{5}{4} - \frac{1}{4} : \frac{3}{2} = \frac{5}{4} - \frac{1}{4} \cdot \frac{2}{3} = \frac{5}{4} - \frac{1}{6} = \frac{15}{12} - \frac{2}{12} = \frac{13}{12}$	0,5
2a (0,5đ)	a) $\frac{2}{3} - x = \frac{5}{3}$ $x = \frac{2}{3} - \frac{5}{3}$ $x = \frac{-3}{3} = -1$	0,5
2b (0,5đ)	$(-1,37) \cdot 25 + 75 \cdot (-1,37) = (-1,37) \cdot (25 + 75)$ $= (-1,37) \cdot 100 = -137$	0,25 0,25
2c (0,5đ)	$2^{300} = (2^3)^{100} = 8^{100}$ $3^{200} = (3^2)^{100} = 9^{100}$ Vì $8^{100} < 9^{100}$ nên $2^{300} < 3^{200}$	0,25 0,25
2d (0,5đ)	Đường chéo là : $43 \times 2,54 = 109,22$ cm Vậy đường chéo làm tròn đến phần chục là: 109,2 cm	0,25 0,25
3a (1,0đ)	Viết đúng tên hai cặp góc đối đỉnh, hai cặp góc đồng vị	1,0
3b (1,0đ)	Ta có $\widehat{aAB}$ và $\widehat{ABb'}$ là hai góc so le trong Mà $\widehat{aAB} = \widehat{ABb'}$ Nên $aa' \parallel bb'$ theo dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song	0,25 0,25 0,5
3c (1,0đ)	Ta có $\widehat{a'AB} + \widehat{aAB} = 180^\circ$ (hai góc kề bù)	0,25 0,25

	$120^0 + \widehat{aAB} = 180^0$ $\widehat{aAB} = 180^0 - 120^0 = 60^0$ Suy ra $\widehat{aAB} = \widehat{ABb'} = 60^0$	0,25 0,25
--	---	------------------

---Hết---